

Số: 218 /TB-ĐHKHTN

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2018

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo thạc sĩ đợt 1 năm 2018

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội thông báo tuyển sinh đào tạo thạc sĩ đợt 1 năm 2018 vào các ngày **21 và 22/4/2018** như sau:

1. Điều kiện dự thi

1.1. Điều kiện văn bằng

- Tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi; hoặc tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi, đã học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học tương ứng với chuyên ngành dự thi (*Danh mục ngành đúng, ngành gần, được xác định theo Điều 10, Chương II, Quy chế đào tạo Thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN, ngày 10/12/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội; Lịch học bổ sung kiến thức được thông báo trên website của Nhà trường*).

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành; Đối với chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, văn bằng đại học phải là văn bằng chương trình đào tạo chính quy.

1.2. Các điều kiện khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

- Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, Nhà trường sẽ xem xét và quyết định tùy theo tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học;

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

2. Chính sách ưu tiên

2.1. Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 (theo bảng phân chia khu vực tuyển sinh THPT quốc gia hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- Con liệt sĩ;
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2.2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng 01 điểm (thang điểm 10) cho môn thi cơ bản hoặc 15 điểm (thang điểm 150) cho môn thi đánh giá năng lực.

3. Các môn thi tuyển sinh gồm môn thi Cơ bản, môn thi Cơ sở và môn thi Ngoại ngữ

- Các môn Cơ bản, Cơ sở được quy định tùy theo chuyên ngành (xem Phụ lục 1) thi theo hình thức tự luận, riêng bài thi Đánh giá năng lực gồm 2 phần: phần viết luận và phần trắc nghiệm. Đề cương các môn thi được công bố trên website của Nhà trường.

- Môn Ngoại ngữ là tiếng Anh thi theo hình thức trắc nghiệm.

- Trường hợp được miễn thi môn ngoại ngữ bao gồm:

- + Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- + Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ GD&ĐT về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo chất lượng cao của Đại học Quốc gia Hà Nội;

- + Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

- + Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam: bậc 3 đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội, bậc 4 đối với chương trình thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng, bậc 5 đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuẩn quốc tế. Chứng chỉ có giá trị trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ và được cấp bởi cơ sở được Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận (Phụ lục 2 và Phụ lục 3).

4. Thời gian và chỉ tiêu tuyển sinh

- Lịch thi tuyển:
 - + Sáng ngày 21/4/2018: tập trung thí sinh, thi môn Cơ bản hoặc Đánh giá năng lực
 - + Chiều ngày 21/4/2018: thi môn Cơ sở
 - + Sáng ngày 22/4/2018: thi tiếng Anh
- Công bố kết quả tuyển sinh: Trước 12/5/2018
- Thông báo triệu tập thí sinh trúng tuyển: tháng 6/2018; khai giảng: tháng 12/2018 (dự kiến); thời gian đào tạo chuẩn: 2 năm
- Chỉ tiêu tuyển sinh: 320 học viên.

5. Hồ sơ dự thi

5.1. Thời gian và địa điểm phát hành hồ sơ:

- Thời gian: Trong giờ hành chính từ ngày 21/01/2018 đến ngày 06/4/2018
- Địa điểm: Phòng Sau đại học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

5.2. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ:

- Thời gian: Trong giờ hành chính từ ngày 23/3/2018 đến ngày 06/4/2018
- Địa điểm: Phòng Sau đại học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

5.3. Đăng ký dự thi trực tuyến qua mạng (bắt buộc):

Việc đăng ký dự thi được thực hiện theo phương thức nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Sau đại học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên và đăng ký trực tuyến qua mạng (bắt buộc), cụ thể như sau:

Thí sinh truy cập vào cổng đăng ký tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự thi trực tuyến theo hướng dẫn. Thời gian khai báo thông tin trực tuyến: từ 8h00 ngày 21/01/2018 đến 17h00 ngày 06/4/2018

Lưu ý: Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo; Thí sinh không đăng ký qua mạng sẽ không đủ điều kiện để dự thi tuyển sinh.

6. Lệ phí dự thi

- Các khoản lệ phí tuyển sinh theo Thông tư 40/2015/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 27/3/2015 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh) và hướng dẫn hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội. Cụ thể như sau:

+ Thí sinh phải thi ngoại ngữ: 420.000đ

+ Thí sinh được miễn ngoại ngữ: 300.000đ

- Thí sinh chuyển lệ phí tuyển sinh (theo đúng hướng dẫn trên công đăng kí tuyển sinh) vào tài khoản của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên số: 22210000586899 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Thanh Xuân hoặc nộp trực tiếp bằng tiền mặt tại Trường.

Thông tin chi tiết xin liên hệ:

Phòng Sau đại học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (Tầng 4, nhà T1, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội). Điện thoại: 024. 35578435, Fax: 024. 38583061, E-mail: saudaihoc@hus.edu.vn.

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để báo cáo)
- Các Sở GD&ĐT ;
- Các Sở TN&MT;
- Các Sở KH&CN;
- Các trường đại học, cao đẳng;
- Các viện, trung tâm nghiên cứu;
- Lưu VT, SDH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HĐQTS SAU ĐẠI HỌC**

(đã ký)

PGS.TSKH. Vũ Hoàng Linh

Phụ lục 1 – Các chuyên ngành đào tạo thạc sĩ tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – ĐHQGHN

TT	Tên chuyên ngành	Môn thi cơ bản	Môn thi cơ sở	Chỉ tiêu
1	Toán giải tích	Đại số	Giải tích	3
2	Đại số và lí thuyết số	Đại số	Giải tích	2
3	Hình học và tô pô	Đại số	Giải tích	1
4	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	Đại số	Giải tích	5
5	Cơ sở toán cho tin học	Cơ sở toán cho tin học	Giải tích <i>hoặc</i> Tin học cơ sở	3
6	Toán ứng dụng	Đại số	Giải tích	4
7	Cơ học vật thể rắn	Toán cho cơ học	Cơ học đại cương	3
8	Cơ học chất lỏng và chất khí	Toán cho cơ học	Cơ học đại cương	1
9	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Giải tích cho vật lý	Cơ sở cơ học lượng tử	4
10	Vật lý chất rắn	Giải tích cho vật lý	Cơ sở cơ học lượng tử	4
11	Vật lý vô tuyến và điện tử	Giải tích cho vật lý	Cơ sở cơ học lượng tử	2
12	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Giải tích cho vật lý	Cơ sở cơ học lượng tử	2
13	Quang học	Giải tích cho vật lý	Cơ sở cơ học lượng tử	2
14	Vật lý địa cầu	Giải tích cho vật lý	Cơ sở cơ học lượng tử	2
15	Vật lý nhiệt*	Giải tích cho vật lý	Cơ sở cơ học lượng tử	2
16	Hoá vô cơ	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	5
17	Hoá hữu cơ	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	5
18	Hoá phân tích	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	15
19	Hoá lí thuyết và hóa lí	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	3
20	Hoá môi trường	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	8
21	Kỹ thuật hoá học	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	2
22	Hoá dầu*	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	3
23	Công nghệ sinh học	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	8
24	Động vật học	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	3
25	Thực vật học	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	2
26	Sinh học thực nghiệm	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	18
27	Sinh thái học	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	2
28	Di truyền học	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	5
29	Vi sinh vật học	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	8
30	Thủy sinh vật học	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	2
31	Địa lý học	Đánh giá năng lực	Địa lí đại cương	2
32	Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý	Đánh giá năng lực	Địa lí đại cương	5
33	Địa lý tự nhiên	Đánh giá năng lực	Địa lí đại cương	2
34	Địa mạo và cổ địa lý	Đánh giá năng lực	Địa lí đại cương	2
35	Quản lý tài nguyên và môi trường	Đánh giá năng lực	Các khoa học trái đất	12
36	Quản lý tài nguyên và môi trường (định hướng ứng dụng)**	Đánh giá năng lực	Các khoa học trái đất	15
37	Quản lý đất đai	Đánh giá năng lực	Cơ sở địa chính	30
38	Quản lý đất đai (định hướng ứng dụng)**	Đánh giá năng lực	Cơ sở địa chính	30
39	Địa chất học	Đánh giá năng lực	Địa chất đại cương	8
40	Khoáng vật học và địa hóa học	Đánh giá năng lực	Địa chất đại cương	3
41	Địa chất môi trường*	Đánh giá năng lực	Địa chất đại cương	3
42	Khí tượng và khí hậu học	Đánh giá năng lực	Khí tượng đại cương	5
43	Thủy văn học	Đánh giá năng lực	Thủy văn đại cương	5
44	Hải dương học	Đánh giá năng lực	Hải dương học	5
45	Khoa học môi trường	Đánh giá năng lực	Cơ sở khoa học môi trường	50
46	Kỹ thuật môi trường	Đánh giá năng lực	Cơ sở công nghệ môi trường	6
47	Môi trường và phát triển bền vững*	Đánh giá năng lực	Cơ sở khoa học môi trường	8
	Tổng cộng			320

Ghi chú:

- *Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng chuyên ngành có thể được điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế.*
- **: Các chuyên ngành đào tạo thi điểm hoặc đang đề nghị được cấp mã số*
- *** : Chương trình thạc sĩ theo định hướng ứng dụng liên kết với Trường Đại học Quy Nhơn và Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh*

**Phụ lục 2 – Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh
thạc sĩ tại ĐHQGHN**

1. Chứng chỉ B1

STT	Cơ sở đào tạo	Chứng chỉ B1 được công nhận				
		Tiếng Anh	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN	√	√	√	√	√
2.	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng	√	√			
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế	√	√	√	√	
4.	Trường ĐH SP TP Hồ Chí Minh	√	√	√	√	
5.	Trường Đại học Hà Nội	√	√	√	√	√

2. Các chứng chỉ tiếng Anh

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận					
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam PET	BEC Preliminary	BULATS
1.	Educational Testing Service (ETS)		√	√			
2.	British Council (BC)	√					
3.	International Development Program (IDP)	√					
4.	Cambridge ESOL	√			√	√	√

3. Một số thứ tiếng khác

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận					
		tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật	tiếng Hàn
		TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4	TOPIK 3
1.	Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga	√					
2.	Trung tâm Văn hóa Pháp		√				
3.	Viện Goethe Việt Nam			√			
4.	Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc				√		
5.	Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản					√	
6.	Viện chương trình và đánh giá Hàn Quốc (KICE)						√

Phụ lục 3 – Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương cấp độ 3/6 khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc sử dụng trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ tại ĐHQGHN

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số thứ tiếng khác

Khung năng lực ngoại ngữ VN	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật	tiếng Hàn
Cấp độ 3	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4	TOPIK 3

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo sẽ gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.